

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN YÊN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2020

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi  
ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hoài Sơn;  
2. Bà Hà Thị Minh Quế.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Ông Lương Xuân Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2020/TLST-HNGĐ ngày 13-02-2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29-4-2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị N (Bàn Phương L); sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Khe D, xã VS, huyện VY, tỉnh YB; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Kim T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Khe D, xã VS, huyện VY, tỉnh YB; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bàn Thị N (Bàn Phương L) trình bày:

Chị và anh Đặng Kim T trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20-11-2006 tại Ủy ban nhân dân xã VS, huyện VY, tỉnh YB. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5-2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T hay chơi cờ bạc dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi cọ. Anh T không quan tâm đến gia đình, vợ con. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng

với anh T đã hết, không thể khắc phục được mâu thuẫn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung Đặng Minh T1, sinh ngày 24-11-2007 và Đặng Thanh T2, sinh ngày 09-12-2016. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung nhưng nếu anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 chị cũng nhất trí và chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Đặng Kim T nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để làm việc theo yêu cầu của Tòa án.

Ngày 05-3-2020, Tòa án có xuống nơi cư trú để gặp và làm việc với anh T về nội dung chị N xin ly hôn anh và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05-3-2020, bị đơn anh Đặng Kim T trình bày: Anh và chị Bàn Thị N kết hôn ngày 20-11-2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VS, huyện VY, tỉnh YB, việc kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018, chị N đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhưng chúng tôi không có mâu thuẫn. Nay chị N xin ly hôn anh T không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Đặng Minh T1, sinh ngày 24-11-2007 và Đặng Thanh T2, sinh ngày 09-12-2016. Nếu vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp chị N cũng có nguyện vọng nuôi con thì anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con và anh nhất trí để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại Trưởng thôn Khe D, xã VS, huyện VY, tỉnh YB, cho biết: Anh Đặng Kim T và chị Bàn Thị N hiện cư trú tại thôn Khe D, xã VS, huyện VY, tỉnh YB. Anh T và chị N có đăng ký kết hôn ngày 20-11-2006, tại Ủy ban nhân dân xã VS, huyện VY, tỉnh YB. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại thôn Khe D, xã VS, huyện VY, tỉnh YB. Vợ chồng chị N và anh T mâu thuẫn như thế nào trưởng thôn không rõ; về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung Đặng Minh T1, sinh ngày 24-11-2007 và Đặng Thanh T2, sinh ngày 09-12-2016; về tài sản chung và nợ chung chị N và anh T có hay không trưởng thôn không rõ. Nay chị N xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Đặng Minh T1 trình bày ý kiến nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố cháu là anh Đặng Kim T.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến không nhất trí ly hôn theo yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N; về con chung có

nguyên vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con và nhất trí để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VY, tỉnh YB phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh T; về con chung: Giao cháu Đặng Minh T1, sinh ngày 24-11-2007 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Đặng Thanh T2, sinh ngày 09-12-2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh T và chị N không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào và đều có quyền thăm nom con.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bàn Thị N (Bàn Phương L) yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Kim T và yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đặng Kim T là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xử xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đặng Kim T.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Bàn Thị N (Bàn Phương L) và anh Đặng Kim T trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20-11-2006 tại Ủy ban

nhân dân xã VS, huyện VY, tỉnh YB. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, anh T mãi chơi, kinh tế gia đình khó khăn. Mâu thuẫn kéo dài và căng thẳng hơn kể từ khoảng cuối năm 2018, khi chị N đi làm ăn xa, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Anh T không nhất trí ly hôn nhưng không đến Tòa án để làm việc theo yêu cầu của Tòa án. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được và chị N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh T. Tại phiên Tòa anh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T làm cho tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bàn Thị N.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Đặng Minh T1, sinh ngày 24-11-2007 và Đặng Thanh T2, sinh ngày 09-12-2016. Nguyên vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con của anh T, chị N khi ly hôn đều là chính đáng. Chị N và anh T đều có đủ điều kiện và khả năng nuôi con. Xét theo nguyện vọng của cháu T1 muốn được ở với anh T và anh T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Vì vậy, giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu T2 còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ nên giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 theo nguyện vọng của chị N là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Bàn Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Bàn Thị N (Bàn Phương L) được ly hôn anh Đặng Kim T.

2. Về con chung: Chị Bàn Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đặng Thanh T2, sinh ngày 09-12-2016. Anh Đặng Kim T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đặng Minh T1, sinh ngày 24-11-2007. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị N (Bàn Phương L) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Bàn Thị N (Bàn Phương L) đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003483 ngày 13-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị Bàn Thị N (Bàn Phương L) đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đặng Kim T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Kim T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Thi hành án DS huyện Văn Yên;
- UBND xã VS;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hương**